TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2017/DS-PT
Ngày: 18-9-2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khánh Hùng**

Các Thẩm phán: 1- Ông **Phạm Minh Thủ**

2- Ông **Nguyễn Văn Ngọt**.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Trần Thị Kim Nhẫn**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*: Bà **Tăng Thị Thúy Hằng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2017/TLPT-DS ngày 7 tháng 7 năm 2017 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 129/2017/QĐPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1945 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị C, sinh năm 1919 (*có mặt*).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Bà NLQ 1 (*có mặt*).

3.2- Ông NLQ 2 (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: khu vực B, phường N, thị xã N, tỉnh Hậu Giang.

3.3- Bà NLQ 3 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố Cần Thơ.

3.4- Bà NLQ 4 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

3.5- Bà NLQ 5 (*có mặt*);

3.6- Ông NLQ 6 (*vắng mặt*);

3.7- Ông NLQ 7 (*vắng mặt*);

3.8- Bà NLQ 8 (*vắng mặt*);

3.9- Bà NLQ 9 (*vắng mặt*);

3.10- Bà NLQ 10 (*vắng mặt*);

3.11- Bà NLQ 11 (*vắng mặt*);

3.12- Ông NLQ 12 (*vắng mặt*);

3.13- Ông NLQ 13 (*vắng mặt*);

3.14- Bà NLQ 14 (*có mặt*);

3.15- Ông NLQ 15 (*vắng mặt*);

3.16- Bà NLQ 16 (*có mặt*);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

4. Người làm chứng:

4.1- Bà NLC 1, sinh năm 1953 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

4.2- Ông NLC 2, sinh năm 1935 (*vắng mặt*);

4.3- Ông NLC 3, sinh năm 1972 (*vắng mặt*);

4.4- Ông NLC 4, sinh năm 1965 (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

4.5- Ông NLC 5, sinh năm 1950 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

4.6- Ông NLC 6, sinh năm 1951 (*vắng mặt*);

4.7- Ông NLC 7, sinh năm 1957 (*vắng mặt*);

4.8- Ông NLC 8 (*vắng mặt*);

4.9- Bà NLC 9 (*vắng mặt*);

4.10- Ông NLC 10, sinh năm 1951 (*vắng mặt*);

4.11- Bà NLC 11, sinh năm 1952 (*vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

4.12- Ông NLC 12, sinh năm 1962 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

4.13- Ông NLC 13, sinh năm 1961 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

4.14- Bà NLC 14 (*vắng mặt*);

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

4.15- Ông NLC 15, sinh năm 1934 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

4.16- Ông NLC 16 (*vắng mặt*).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Văn K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn K khởi kiện trình bày:

Ông có sử dụng thửa đất số 136, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.500m^2, loại đất ONT-LNK tọa lạc ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất này ông đã được Ủy ban nhân dân huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 06/01/1993. Hộ bà Phạm Thị C có sử dụng phần đất giáp ranh với đất của ông, ranh hai bên là con mương có chiều ngang một đầu 06m, một đầu 4,6m, dài 71,5m, con mương này do cha ông là ông Huỳnh Văn X thuê người đào cách đây vài chục năm, lúc đào mương chiều ngang khoảng 04m, hiện nay những người đào mương đã chết, con cháu họ không biết sự việc. Trong quá trình sử dụng bà C lấn ranh và cho rằng ranh đất của bà là hết con mương nên ông có làm đơn yêu cầu chính quyền địa phương giải quyết, tại buổi hòa giải bà C đồng ý chia mỗi người một nữa con mương nhưng ông không chấp nhận. Ông thừa nhận đám lá dừa nước trên con mương này là do bà C trồng.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị C có trách nhiệm trả lại phần đất lấn chiếm chiều ngang đầu ngoài 03m, đầu trong 2,3m, dài 71,5m, diện tích chung là 148m^2 đất tọa lạc ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn bà Phạm Thị C trình bày:

Chồng bà là ông Huỳnh Văn G (đã chết), nguồn gốc phần đất giáp ranh với đất ông K là do mẹ chồng bà để lại cho vợ chồng bà. Con mương đang tranh chấp với ông K là do vợ chồng bà đào và trồng dừa nước lấy lá lợp nhà cách nay đã mấy chục năm, vợ chồng bà sử dụng con mương này không có ai tranh chấp. Tại cuộc hòa giải của chính quyền địa phương thì bà đồng ý chia mỗi người một nửa con mương. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông K.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện S thụ lý, giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2017 đã quyết định như sau: Căn cứ Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 229, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1, Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn K, về việc yêu cầu bà Phạm Thị C trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 134,4m^2, đất gồm

02 đoạn, đoạn 1: Hướng Đông giáp đất trống bên bà C có số đo 9,7m, hướng Tây giáp phần đất trống hướng phía bên ông K có số đo 9,9m, hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 3m, hướng Bắc giáp phần đất trống trước nhà bà C có số đo 3m, diện tích 29,4m^2. Đoạn 2: Hướng Đông giáp đất trống hướng bên nhà con bà C có số đo 44m, hướng Tây giáp phần đất trống hướng phía bên phần đất ông K có số đo 44m, hướng Bắc giáp huyện lộ có số đo 3m, hướng Nam giáp phần đất ông Huỳnh Văn K có số đo 2,3m (tính từ trụ đá kéo qua bên hướng tây) diện tích 105m^2 thửa đất số 136 (theo đơn khởi kiện), tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

Kèm theo bản án là Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất ngày 25/7/2016 và Sơ đồ hiện trạng khu đất tranh chấp ngày 6/9/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định, định giá, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 01/6/2017, nguyên đơn ông Huỳnh Văn K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông, buộc bà Phạm Thị C có trách nhiệm trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 134,4m^2, thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng. Do hai trụ đá do chính quyền địa phương cặm để xác định vị trí ranh đất hiện nay vẫn còn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét đến chứng cứ này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà NLQ 1, bà NLQ 5, bà NLQ 14, bà NLQ 16 đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, còn lại những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng chưa chấp hành nghiêm theo các qui định của pháp luật về sự có mặt tại phiên tòa.

Về quan điểm: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng là ông NLQ 2, NLQ 3, NLQ 4, NLQ 6, NLQ 7, NLQ 8, NLQ 9, NLQ 10, NLQ 11, NLQ 12, NLQ 13, NLQ 15, NLC 1, NLC 2, NLC 3, NLC 4, NLC 5, NLC 6, NLC 7, NLC 8, NLC 9, NLC 10, NLC 11, NLC 12, NLC 13, NLC 14, NLC 15, NLC 16 đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và không có đơn xin xét xử vắng mặt, không thuộc trường hợp bất khả kháng, không vì trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt của những người này.

[**2**] **Về nội dung**:

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn K cho rằng bà Phạm Thị C trong quá trình sử dụng đất kế bên phần diện tích đất của ông đã lấn chiếm 148 m^2 (*chiều ngang đầu ngoài 03m; đầu trong 2,3m, dài 71,5m*), qua đo đạc thực tế là 134,4 m^2, phần diện tích đất này tọa lạc ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng, nay ông yêu cầu bà C trả lại cho ông phần diện tích mà bà C đã lấn chiếm này. Xét phần trình bày này của ông K, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Trên phần diện tích đất giáp ranh giữa phần diện tích đất của gia đình ông K và gia đình bà C từ trước đến nay là một con mương nước chạy dài theo phần đất của hai bên gia đình ông K, bà C. Tại phiên tòa các bên đương sự đều thừa nhận rằng con mương này đã được cha mẹ của ông K và gia đình bà C sử dụng từ trước nhưng hai bên không có tranh chấp. Sau đó bà C trồng dừa nước trên phần con mương này phần tiếp giáp phần đất của gia đình bà, cha mẹ ông K và gia đình ông K cũng không phản đối, không khiếu nại hay tranh chấp gì. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử công nhận các cây dừa nước trên con mương này là do bà C trồng, con mương này đã có từ trước không phải do ông K hay bà C đào là sự thật.

Tại phiên tòa phúc thẩm cũng như trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, ông K không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh phần diện tích đất mà ông yêu cầu bà C trả lại là của ông, ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông được cấp vào năm 1993, nhưng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông không thể hiện số đo các cạnh; trong quá trình cấp sơ thẩm đi đo đạc lại ông cũng không xác định được ranh đất của ông mà còn tranh chấp với ông NLC 2. Đối với các nhân chứng do ông yêu cầu tòa án xác minh còn nhiều mâu thuẫn, chính họ cũng không xác định được con mương này do ai đào, đào trên phần diện tích đất của ai; các nhân chứng đều xác định rằng con mương này đã có từ lúc cha mẹ của ông K và bà C còn sống; đồng thời mọi người đều xác nhận toàn bộ số dừa nước trên con mương này là do bà C trồng và khai thác sử dụng từ trước đến nay. Do đó chưa có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông về việc buộc bà Phạm Thị C có trách nhiệm trả lại phần đất lấn chiếm diện tích 134,4m^2, thuộc thửa đất số 136, tờ bản đồ số 7, đất tọa lạc ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng theo yêu cầu của ông. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu đòi lại phần đất mà ông cho rằng bà C đã lấn chiếm của ông 134,4 m^2 là có cơ sở và đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên thấy rằng đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ để chấp nhận.

[**3**] **Về án phí**: Do kháng cáo của ông Huỳnh Văn K không được chấp nhận nên ông K phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 192, Điều 193, 265 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 308 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Văn K về việc buộc bà Phạm Thị C trả lại cho ông phần diện tích đất lấn chiếm 134,4 m^2, thuộc thửa số 136, tờ bản đồ số 07, tọa lạc tại ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 33/2017/DS-ST ngày 22-5-2017 của Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Sóc Trăng. Phần quyết định của bản án sơ thẩm như sau:

"*Căn cứ Khoản 9 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a, c Khoản 1 Điều 39, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 2 Điều 229, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Khoản 1, Khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.*

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn K, về việc yêu cầu bà Phạm Thị C trả lại phần đất lấn chiếm có diện tích 134,4m^2, đất gồm 02 đoạn, đoạn 1: Hướng Đông giáp đất trống bên bà C có số đo 9,7m, hướng Tây giáp phần đất trống hướng phía bên ông K có số đo 9,9m, hướng Nam giáp huyện lộ có số đo 3m, hướng Bắc giáp phần đất trống trước nhà bà C có số đo 3m, diện tích 29,4m^2. Đoạn 2: Hướng Đông giáp đất trống hướng bên nhà con bà C có số đo 44m, hướng Tây giáp phần đất trống hướng phía bên phần đất ông K có số đo 44m, hướng Bắc giáp huyện lộ có số đo 3m, hướng Nam giáp phần đất ông Huỳnh Văn K có số đo 2,3m (tính từ trụ đá kéo qua bên hướng tây) diện tích 105m^2 thửa đất số 136 (theo đơn khởi kiện), tờ bản đồ số 7, tọa lạc ấp B, xã T, huyện S, tỉnh Sóc Trăng.

2/ Về chi phí thẩm định, định giá: Ông Huỳnh Văn K phải chịu chi phí thẩm định, định giá là 2.000.000 đồng. Ông K đã nộp đủ số tiền này.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn K phải chịu án phí là 200.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000963 ngày 30/03/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S. Ông K đã nộp đủ tiền án phí."

* *Án phí phúc thẩm*: Ông Huỳnh Văn K phải chịu 300.000 đồng, ông K được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng số 0007457 ngày 02/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Sóc Trăng, như vậy ông K đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện S;
- Chi cục THA.DS huyện huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khánh Hùng